

Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp tại Việt Nam

TS. Đặng Văn Dân*
Vũ Đức Bình**

Bài viết phân tích thực trạng mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp tại Việt Nam trong giai đoạn 2000 - 2014. Từ phân tích thực trạng, tác giả đưa ra một số kết luận và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả trong xây dựng chính sách kinh tế vĩ mô ở Việt Nam.

• Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay, mục tiêu kiểm soát tỷ lệ lạm phát và tạo việc làm giảm tỷ lệ thất nghiệp luôn là những mục tiêu kinh tế vĩ mô hàng đầu. Đặc biệt là sau khi xảy ra cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, hai mục tiêu trên càng trở nên quan trọng đặc biệt được quan tâm. Trong từng thời kỳ, tùy thuộc vào những điều kiện cụ thể, chính phủ cần đưa ra các chính sách kinh tế đúng đắn phù hợp để thực hiện tốt và hài hòa cả hai mục tiêu kiểm soát lạm phát và giảm tỷ lệ thất nghiệp. Nếu chính phủ thực hiện tốt được hai mục tiêu này sẽ góp phần đảm bảo kinh tế Việt Nam phát triển bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện xóa đói giảm nghèo. Xuất phát từ tầm quan trọng của hai vấn đề lạm phát và thất nghiệp, đây là vấn đề thực tiễn quan trọng đang đặt ra cần giải quyết một cách chính xác và phù hợp.

Cơ sở lý thuyết về lạm phát và thất nghiệp

Lạm phát: Khái niệm lạm phát được nhiều nhà kinh tế chấp nhận và phổ biến hiện nay đó là: “Lạm phát là hiện tượng chỉ số giá cả hàng hoá chung tăng liên tục và kéo dài”. Lạm phát có 3 biểu hiện cơ bản đó là: Mức chung của giá cả hàng hóa tăng liên tục và kéo dài, tiền tệ bị mất giá, tài sản tài chính giảm giá. Căn cứ vào tốc độ và tác động của lạm phát, lạm phát được chia thành 3 loại: lạm phát vừa phải; lạm phát phi mã, lạm phát siêu tốc. Có 2 nguyên nhân chính gây ra lạm phát:

+ Nguyên nhân về phía cầu hàng hóa: Là nguyên nhân khi tổng cầu hàng hóa trong nền kinh tế tăng trong khi tổng cung hàng hóa trong nền kinh tế không đổi hoặc độ tăng của cung ít hơn độ tăng của cầu. Tổng cầu hàng hóa trong nền kinh tế tăng có thể do những nguyên nhân như: thâm hụt ngân sách thường xuyên và kéo dài, thu nhập của các hộ gia đình tăng, ngân hàng trung ương thực hiện chính sách tiền tệ mở rộng, sự chênh lệch cao giữa giá cả hàng hóa cùng

loại trong nước và nước ngoài, các chấn động về kinh tế - xã hội tác động đến tâm lý người dân làm tổng cầu hàng hóa trong nền kinh tế tăng.

+ Nguyên nhân về phía cung hàng hóa: Là nguyên nhân khi tổng cung hàng hóa trong nền kinh tế giảm trong khi tổng cầu hàng hóa trong nền kinh tế không đổi hoặc độ giảm của cung nhiều hơn độ giảm của cầu. Tổng cung hàng hóa trong nền kinh tế giảm có thể do những nguyên nhân như: tốc độ tăng của tiền lương cao hơn tốc độ tăng của năng suất lao động, chi phí nguyên, nhiên vật liệu tăng cao.

Thất nghiệp: Khi đề cập đến khái niệm thất nghiệp có rất nhiều quan điểm và định nghĩa khác nhau. Theo quan điểm nhà kinh tế học Keynes: thất nghiệp chu kỳ là dạng thất nghiệp không tự nguyện và mất cân bằng, nó xảy ra do tổng cầu thấp và quá trình điều chỉnh tiền lương diễn ra chậm chạp. Có thể nhận thấy thất nghiệp theo quan điểm Keynes phản ánh tình trạng

* Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

** Ngân hàng Quốc tế VIB

đư thừa lực lượng lao động do nhu cầu về lao động giảm thấp. Theo nhà kinh tế học David Begg: tỷ lệ thất nghiệp là tỷ lệ lực lượng lao động không có việc mà có đăng ký tìm việc. Như vậy, theo quan điểm này thì thất nghiệp là người thuộc lực lượng lao động và có đăng ký tìm việc tức có mong muốn tìm việc làm. Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam thì định nghĩa thất nghiệp là căn cứ vào 3 tiêu chuẩn: hiện không làm việc, đang tìm kiếm việc làm, và sẵn sàng làm việc. Các yếu tố này phải thỏa mãn đồng thời. Như vậy, qua các định nghĩa trên thì có thể khái quát lại khái niệm thất nghiệp như sau: thất nghiệp là trạng thái không có việc làm và đang tìm việc làm của những người thuộc lực lượng lao động.

Đo lường tỷ lệ thất nghiệp:
Tỷ lệ thất nghiệp được đo bằng tỷ lệ phần trăm số người thất nghiệp chiếm trong lực lượng lao động.

Trong đó: Lực lượng lao động = Số người làm việc + Số người thất nghiệp

$$\text{Công thức tính: Tỷ lệ thất nghiệp} = \frac{\text{Số người thất nghiệp}}{\text{Lực lượng lao động}} \times 100\%$$

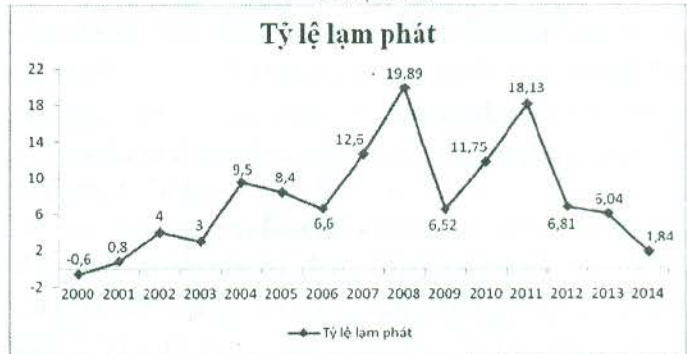
Tác động của thất nghiệp:
Tỷ lệ thất nghiệp cao sẽ gây ra các tác động tiêu cực như: nguồn nhân lực của xã hội sẽ bị lãng phí và không được tận dụng hết, tăng trưởng kinh tế thấp hoặc không có tăng trưởng, tệ nạn xã hội gia tăng, chi tiền trợ cấp thất nghiệp tăng lên, bản thân và gia

đình người bị thất nghiệp cũng gặp khó khăn về mặt tài chính và kỹ năng chuyên môn và kinh nghiệm làm việc của người bị thất nghiệp bị suy giảm.

Thực trạng mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp ở Việt Nam giai đoạn 2000 - 2014

Thực trạng lạm phát ở Việt Nam giai đoạn 2000 - 2014

Tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam giai đoạn 2000 - 2014
Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam.

Năm 2000 xảy ra hiện tượng giảm phát khi tỷ lệ lạm phát ở mức âm 0,6%, Chính phủ đã có biện pháp kích cầu đầu tư và kích thích tiêu dùng...kết quả là nền kinh tế chuyển từ giảm phát sang lạm phát thấp từ năm 2001 đến năm 2003. Đến năm 2004 tỷ lệ lạm phát tăng vọt từ mức 3%

lên đến 9,5%, năm 2004 tỷ lệ lạm phát tăng cao do nhiều nguyên nhân trong đó nguyên nhân cơ bản là do giá các mặt hàng trên thế giới tăng gây tác động làm tăng giá cả trong nước. Năm 2006 có tỷ lệ lạm phát là 6,6%, đây là tỷ lệ lạm phát lý tưởng cho điều kiện thuận lợi

tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ ở Việt Nam. Bước sang năm 2007 tỷ lệ lạm phát có sự thay đổi đột biến tăng vọt từ 6,6% lên đến 12,6%, lần đầu tiên trong nhiều năm trước đó tỷ lệ lạm phát ở mức 2 con số. Đến năm 2008 tỷ lệ lạm phát tăng lên cao nhất trong vòng nhiều năm với mức 19,89%. Tỷ lệ lạm phát cao của

năm 2008 là do nhiều nguyên nhân, trong đó có một số nguyên nhân chính như: giá dầu thô trên thế giới tăng cao, cung tiền tăng cao đột biến. Trong hai năm từ 2010 đến 2011 tỷ lệ lạm phát đều ở mức 2 con số, đặc biệt năm 2011 tỷ lệ lạm phát ở mức rất cao lên đến 18,13%. Lạm phát cao trong hai năm 2010-2011 là do giá cả hàng hóa thiết yếu trên thế giới tăng làm cho giá các hàng hóa nhập khẩu tăng cao tác động đến giá cả trong nước tăng, bên cạnh đó một số mặt hàng do nhà nước quản lý cũng điều chỉnh tăng như giá điện, giá than... Sau khi xảy ra lạm phát cao của năm 2011, chủ chương của chính phủ chuyển từ theo đuổi mục tiêu tăng trưởng kinh tế sang ưu tiên kiềm chế lạm

phát và kết quả là từ năm 2012 đến năm 2014 tỷ lệ lạm phát được duy trì ổn định ở mức thấp với lần lượt ở mức 6,81%, 6,04% và 1,84%, trong đó năm 2014 là năm có tỷ lệ lạm phát thấp nhất trong giai đoạn từ năm 2002 đến nay.

Thực trạng thất nghiệp ở Việt Nam giai đoạn 2000-2014

Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị giai đoạn 2000-2014

Năm	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006
Tỷ lệ thất nghiệp	6,42	6,28	6,01	5,78	5,6	5,31	4,82

Năm	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Tỷ lệ thất nghiệp	4,64	4,65	4,64	4,29	3,6	3,25	3,58	3,43

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Giai đoạn 2000-2006 tỷ lệ thất nghiệp ở nước ta luôn ở mức cao, trong giai đoạn này thì năm 2000 có tỷ lệ thất nghiệp cao nhất là 6,42% và năm 2006 có tỷ lệ thất nghiệp thấp nhất cũng lên đến 4,82%. Đây là giai đoạn mà nước ta chưa hội nhập quốc tế nhiều, chưa thu hút được nhiều các nhà đầu tư nước ngoài nên chưa tạo được nhiều công việc cho người lao động. Đến cuối năm 2006 Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), từ sự kiện này dòng vốn đầu tư trực tiếp FDI vào Việt Nam tăng đột biến từ 4,1 tỷ USD của năm 2006 lên đến 8,03 tỷ USD trong năm 2007, điều này đã có tác động góp phần làm cho tỷ lệ thất nghiệp giảm từ 4,82% xuống còn 4,64% trong năm 2007. Trong giai đoạn 2007-2010, do khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008 đã ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế của nước ta, tốc độ tăng trưởng kinh

tế bị giảm sút điều này làm cho tỷ lệ thất nghiệp ở nước ta bị chững lại trong giai đoạn này với mức dao động từ 4,29% đến 4,65%. Trong giai đoạn 2011-2014 tỷ lệ thất nghiệp trung bình ở thành thị của nước ta chỉ là 3,46%, đây là tỷ lệ thất nghiệp ở mức thấp trong vòng nhiều năm so với các giai đoạn trước đây.

Đây là tín hiệu tích cực đối với thực trạng thất nghiệp ở nước ta vì hàng năm lực lượng lao động và dân số của nước ta đều tăng lên, để tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống được như trên thì số người làm việc phải tăng lên tức hàng năm nước ta đã tạo thêm được nhiều việc làm mới cho người lao động.

Phân tích mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp ở Việt Nam

Qua diễn biến của số liệu thực tế trên đồ thị ta có thể nhận

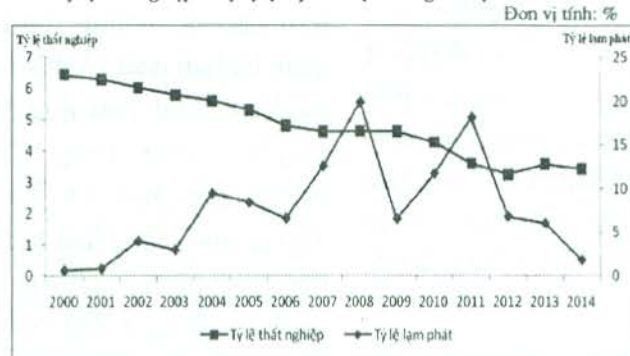
thấy: mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp thể hiện rõ nét các tính chất của một chu kỳ kinh tế từ tăng trưởng cao đảo chiều sang thời kỳ suy thoái, từ suy thoái chuyển sang phục hồi và tăng trưởng, rồi từ tăng trưởng lại chuyển sang giai đoạn suy thoái. Cụ thể như:

Giai đoạn 2000 - 2006 tỷ lệ lạm phát luôn chỉ ở mức một con số thì tỷ lệ thất nghiệp qua các năm có mức trung bình khoảng 5,7%. Trong khi giai đoạn 2007-2010 tỷ lệ lạm phát thường xuyên ở mức hai con số thì tỷ lệ thất nghiệp qua các năm có mức trung bình thấp hơn chỉ có 4,6%, cho thấy trong giai đoạn 2007-2010 tỷ lệ lạm phát xu hướng cao hơn so với giai đoạn trước thì đồng thời tỷ lệ thất nghiệp có xu hướng giảm xuống.

Đặc biệt trong hai năm 2008-2009, tỷ lệ lạm phát giảm mạnh từ 18,89% xuống còn 6,52% tuy nhiên tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị trong hai năm 2008 - 2009

gần như không thay đổi nhưng tỷ lệ thất nghiệp của cả nước

Tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ lạm phát Việt Nam giai đoạn 2000 - 2014



Nguồn: Tổng cục Thống kê

tăng đáng kể từ 2,38% lên đến 2,9%. Điều này cho thấy giai đoạn 2008-2009 vẫn đúng với lý thuyết của đường cong Phillips trong ngắn hạn, tỷ lệ lạm phát giảm xuống thì tỷ lệ thất nghiệp tăng lên.

Từ năm 2010 sang năm 2011 tỷ lệ lạm phát tăng cao đột biến từ 11,75% lên đến 18,13% thì tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và tỷ lệ thất nghiệp cả nước đều có sự giảm mạnh, đối với tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị thì giảm từ 4,29% xuống còn 3,6% còn tỷ lệ thất nghiệp cả nước giảm từ 2,88% xuống còn 2,22%.

Tỷ lệ thất nghiệp cả nước giai đoạn 2008-2014

Năm	2008	2009	2010	2011	2012	2013	Đơn vị tính: %
							2014
Tỷ lệ thất nghiệp	2,38	2,9	2,88	2,22	1,96	2,18	2,08

(Nguồn số liệu: Tổng cục Thống kê)

Giai đoạn 2012-2014 tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức ổn định một con số thì đồng thời tỷ lệ thất nghiệp cũng ổn định ít biến động ở mức từ 3,25% đến 3,58%.

Qua phân tích thực trạng trên ta có thể nhận xét lạm phát đã có ảnh hưởng rõ nét đến tỷ lệ thất nghiệp và chúng có mối quan hệ nghịch biến với nhau trong ngắn hạn, khi tỷ lệ lạm phát thấp thì tỷ lệ thất nghiệp cao trong giai đoạn 2000-2006, khi tỷ lệ lạm phát tăng cao thì tỷ lệ thất nghiệp trong giai đoạn 2007-2010 và trong năm 2011 đều giảm xuống. Khi tỷ lệ lạm phát ổn định ở mức thấp thì tỷ lệ thất nghiệp cũng ít thay đổi như

trong giai đoạn 2012-2014, cho thấy trong dài hạn tỷ lệ lạm phát ổn định gần như ít tác động đến tỷ lệ thất nghiệp.

Kết luận và gợi ý chính sách

Như vậy, có thể thấy lạm phát và thất nghiệp có mối quan hệ nghịch biến rõ nét với nhau trong ngắn hạn, cụ thể rõ nét là những năm 2008-2009 và 2010-2011 thì tỷ lệ lạm phát tăng cao thì tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống nhưng trong dài hạn từ năm 2000-2014 mối quan hệ nghịch biến giữa lạm phát và thất nghiệp không rõ ràng, có những

năm lạm phát giảm nhưng tỷ lệ thất nghiệp cũng giảm như giai đoạn 2004-2006 hoặc giai đoạn 2011-2014 tỷ lệ lạm phát giảm liên tục qua từng năm nhưng tỷ lệ thất nghiệp cũng không tăng mà ít biến động. Qua phân tích trên cho thấy thực trạng mối quan hệ lạm phát và thất nghiệp tại Việt Nam phù hợp với lý thuyết đường cong Phillips trong ngắn hạn và dài hạn. Thông qua việc phân tích thực trạng mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp ở Việt Nam, sau đây nhóm tác giả xin đề xuất một số gợi ý chính sách nhằm góp phần nâng cao hiệu quả trong chính sách kinh tế vĩ mô

giúp đạt được mục tiêu kiểm soát lạm phát ở mức hợp lý và giảm tỷ lệ thất nghiệp ở Việt Nam:

Thứ nhất, trong ngắn hạn khi xây dựng chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa cần dựa vào nguyên tắc đánh đổi giữa lạm phát và thất nghiệp để Chính phủ có thể lựa chọn ưu tiên mục tiêu trong từng chính sách và trong từng thời kỳ. Theo đó, một nền kinh tế có thể đạt được một mức độ thất nghiệp thấp hơn nếu sẵn sàng chấp nhận tỷ lệ lạm phát cao hơn và ngược lại.

Thứ hai, trong dài hạn khi xây dựng chính sách kinh tế, các nhà kinh tế cũng ứng dụng lý thuyết đường cong Phillips trong dài hạn, đó là trong dài hạn lạm phát và thất nghiệp không tác động đến nhau mà tỷ lệ thất nghiệp xoay quanh tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên với tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên là tỷ lệ thất nghiệp mà nền kinh tế có sản lượng thực tế bằng với sản lượng tiềm năng của một quốc gia, là mức thất nghiệp tối thiểu mà nền kinh tế có thể duy trì trong dài hạn. Do đó, các nhà làm chính sách kinh tế nước ta cần xác định chính xác tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên của Việt Nam và định hướng chính sách kinh tế dựa vào tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên này vì một quốc gia không thể đẩy tỷ lệ thất nghiệp

xuống thấp hơn tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên quá lâu trong dài hạn mà không gây lên lạm phát cao.

Thứ ba, để đạt được hiệu quả cao trong các mục tiêu kinh tế vĩ mô, cần nâng cao trong việc phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa, sự phối hợp giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa có ý nghĩa hết sức quan trọng, khi hai chính sách này kết hợp với nhau sẽ tác động đến kinh tế - xã hội mạnh mẽ hơn so với tác động riêng lẻ của từng chính sách, hoặc nếu hai chính sách này mâu thuẫn nhau cũng sẽ làm giảm hiệu quả tác động của từng chính sách và dẫn đến không đạt được những mục tiêu kinh tế vĩ mô đề ra.

Thứ tư, tỷ lệ thất nghiệp chịu tác động bởi nhiều yếu tố, ngoài yếu tố lạm phát thì còn nhiều yếu tố gây ra tình trạng thất nghiệp do đó nhóm tác giả đưa ra một số kiến nghị đề xuất các chính sách giảm tỷ lệ thất nghiệp ở Việt Nam như:

+ Thu hút nhà đầu tư nước ngoài: khi các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp vào Việt Nam sẽ gia tăng nguồn lực tài chính thúc đẩy mở rộng sản xuất kinh doanh trong nước từ đó tạo ra được rất nhiều việc làm và thu nhập cho người lao động trong nước.

+ Phát triển xuất khẩu lao động: xuất khẩu lao động sang

nước ngoài là biện pháp tích cực góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp, giải quyết số lao động dư thừa ở các nước có dân số đông và thiếu việc làm, thu nhập thấp, tỷ lệ thất nghiệp cao trong khi dân số lại tăng nhanh. Khi người lao động Việt Nam sang nước ngoài làm việc sẽ giải quyết được vấn đề tìm việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống người lao động.

+ Tổ chức và phát triển các trung tâm cơ sở dạy nghề: hiện nay nguồn nhân lực của nước ta dồi dào với lực lượng lao động trong độ tuổi tăng lên qua từng năm nhưng tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp, nguồn nhân lực có trình độ cao còn thiếu. Do đó để khắc phục được tình trạng này thì nước ta cần tổ chức và phát triển các trung tâm cơ sở dạy nghề, tăng cường mạnh mẽ công tác đào tạo giáo dục nhất là đào tạo nghề với sự tham gia của các tổ chức trong nước và liên kết với nước ngoài, nâng cao chất lượng dạy nghề để người lao động có thể đáp ứng được tốt hơn nhu cầu lao động kỹ thuật cao của các nhà tuyển dụng.

+ Nâng cao hiệu quả dịch vụ việc làm: trung tâm dịch vụ môi giới việc làm có vai trò quan trọng là cầu nối trung gian giữa cung và cầu lao động, là đơn vị nối kết giữa người sử dụng lao động và người lao động. Với các

chức năng như tư vấn cung cấp thông tin về việc làm cho người lao động và nhà tuyển dụng lao động. Trung tâm dịch vụ việc làm sẽ giúp ích trong vấn đề giải quyết việc làm giảm tỷ lệ thất nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

TS. Lê Thị Tuyết Hoa, PGS.TS. Nguyễn Thị Nhung, Tiền tệ - Ngân hàng, ĐH Ngân hàng TP.HCM, NXB Thống kê, 2010.

PGS.TS. Lý Hoàng Ánh, PGS.TS. Lê Thị Mận, Chính sách tiền tệ, ĐH Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh, NXB Đại học Quốc Gia TP.HCM, 2012.

Báo cáo thường niên của Tổng cục Thống kê.

Phạm Sỹ An, Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp ở Việt Nam, tạp chí Quản lý kinh tế, 2008.

TS. Võ Hùng Dũng, Lạm phát, thất nghiệp và tăng trưởng kinh tế, tạp chí Nghiên cứu kinh tế, 2009.